

TÀI NGUYÊN HỌC TẬP VÀ TÀI NGUYÊN SỐ

Nguyễn Minh Hiệp*

1. LEARNING RESOURCES - TÀI NGUYÊN HỌC TẬP.

Trong cộng đồng Thư viện Việt Nam, đã có sự lúng túng và không nhất quán khi dịch thuật ngữ Resources trong Information Resources và Learning Resources, vv...

Thuật ngữ Tài liệu Thư viện (Library Materials) gắn liền với Thư viện truyền thống bao gồm sách, báo, vi phẩm, vv...; về sau phát triển thêm tài liệu nghe nhìn và tài liệu điện tử, vv...

Một bước phát triển quan trọng khi thư viện gắn liền với công nghệ thông tin (CNTT), thì ngành Thông tin-Thư viện (TT-TV) có một thuật ngữ mới là Tài nguyên Thông tin (Information Resources). Nó bao gồm những tài liệu thư viện và tất cả những hình thức mang tin hiện đại khác được xử lý bằng CNTT như tập tin máy tính, phần mềm, cơ sở dữ liệu, vv..., mà nổi bật nhất là Tài nguyên số (Digital Resources).

Như vậy, thuật ngữ Tài nguyên (Resources) được dùng thay cho thuật ngữ Tài liệu (Materials). Giống như Tài liệu, Tài nguyên là một

* ThS., Thư viện Cao học, Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGTP. HCM.

danh từ số ít đếm được (Count noun). Trong Bộ Biên mục mô tả RDA và Chuẩn biên mục Dublin Core, một đơn vị để xử lý là một resource (tài nguyên). Một cuốn sách là một resource, một bài báo là một resource, một tấm hình là một resource, một video clip là một resource, một tập tin máy tính là một resource, vv...

Ngày nay, trong tất cả tài liệu bằng tiếng Anh, người ta hoàn toàn dùng resources thay thế cho materials, thì trong tiếng Việt nên dùng tài nguyên thay thế cho tài liệu một cách nhất quán. Chẳng hạn như:

- ◆ Information Resources: Tài nguyên thông tin;
- ◆ Digital Resources: Tài nguyên số;
- ◆ Learning Resources: Tài nguyên học tập;
- ◆ Open Resources: Tài nguyên mở.

Ở Việt Nam, một số chuyên gia TT-TV mang một tư duy vô cùng lạc hậu khi cho rằng Thông tin không phải là Tài nguyên mà Tài nguyên chỉ dùng cho Thiên nhiên như dầu hỏa, than đá, vv... Do đó tránh dùng thuật ngữ tài nguyên trong information resources mà dùng một thuật ngữ hoàn toàn sai về mặt ngữ nghĩa là “nguồn lực thông tin” – Thông tin có nguồn chứ không có lực.

Tôi cho rằng vị nào đầu tiên dịch information resources là nguồn lực thông tin chắc là đã có sự nhầm lẫn với information sources (nguồn thông tin). Hay chính xác hơn là nhầm lẫn giữa sources là nguồn với resources là tài nguyên. Nếu có ai đó cứ bảo thủ dùng thuật ngữ nguồn lực thì thử hỏi thể hiện nó như thế nào đối với một đơn vị mô tả trong Khung mô tả RDA chẳng hạn: “một resource là một nguồn lực” à?

Vì thiếu hiểu biết nên tránh dùng thuật ngữ “tài nguyên”, đã tạo nên tâm lý ngại dùng thuật ngữ “tài nguyên” trong cộng đồng, hậu quả là đưa đến việc lúng túng khi gặp khái niệm mang cụm từ có chứa

resources và dịch hoàn toàn sai như “Information Resources” là “Nguồn lực Thông tin” và chưa đúng như “Learning Resources” là “Học liệu”. Học liệu tức là Tài liệu học tập, tiếng Anh là Learning Materials. Ở đây người ta đã cập nhật để dùng Resources là Tài nguyên mà chúng ta dịch là Học liệu là không đúng và mang tính chất thiếu cập nhật.

Ở nước ngoài, người ta dùng “Learning Resources Center” mang ý nghĩa nhấn mạnh dùng “Resources – Tài nguyên” cập nhật hơn so với Thư viện truyền thống thì dùng “Materials – Tài liệu”. Ở Việt Nam, chúng ta dịch là “Trung tâm Học liệu” tức là Trung tâm tài liệu học tập thì đâu còn mang ý nghĩa cập nhật của Resources (Tài nguyên).

Tài nguyên học tập – Learning Resources là tài nguyên mang tính bao quát và hiện đại, tập trung trong những cơ sở thông tin mà mọi người ở khắp nơi có thể truy cập như Open Resources – Tài nguyên mở là tài nguyên miễn phí trên mạng Internet; Digital Library Resources – Tài nguyên Thư viện số là tài nguyên dạng kỹ thuật số tập trung trong những Thư viện số của những trường đại học, ở đó bao gồm những Bộ sưu tập kỹ thuật số - Digital Collections là kho tri thức của mỗi trường đại học mà họ thường cho rằng “Hơn cả Google!”.

2. DIGITAL RESOURCES – TÀI NGUYÊN SỐ

Thư viện có truyền thống là người giữ gìn quá khứ nhưng ngày nay thư viện ngày mỗi ngày trở thành đường dẫn tới tương lai” – Sharon White.

Tài liệu trong thư viện truyền thống có từ lâu đời thường mang những thông tin có tính chất lưu trữ từ đời này sang đời khác. Người ta xem đó như là món quà di sản của tổ tiên chúng ta dành để cất giữ quá khứ và để phục vụ cho nhu cầu tìm về với cội nguồn. Nếu những tài liệu đó chứa trong những cơ sở giáo dục thì được gọi là “Học liệu” (Tài liệu học tập). Nhu cầu tìm kiếm thông tin ngày càng cao và mục đích có thay đổi. Người ta tìm kiếm thông tin chủ yếu là để giải quyết những

công việc hằng ngày (học tập, nghiên cứu, quản lý, sản xuất, vv...). Nhờ gắn liền với CNTT, những loại hình tài liệu mới được ra đời đã đáp ứng nhu cầu tìm tin của con người và mang một thuật ngữ mới là Tài nguyên – Resources. Tài nguyên trong những cơ sở giáo dục được gọi là “Learning Resources – Tài nguyên học tập”. Mặc dù vai trò cung cấp thông tin của thư viện cho độc giả không thay đổi, nhưng phương thức đã thay đổi. Ngoài tài nguyên có trong thư viện, bằng công nghệ mới thư viện có thể dẫn dắt độc giả tìm kiếm thông tin khắp nơi như một sự dẫn dắt đến tương lai. Do đó:

“Giá trị thư viện không ở chỗ thư viện có bao nhiêu tài nguyên thông tin mà ở chỗ thư viện có thể đáp ứng nhu cầu thông tin cho độc giả một cách có hiệu quả như thế nào từ nhiều nguồn ở khắp nơi thông qua công nghệ mới” – Robert Stueart.

Vai trò công nghệ mới cùng với Dịch vụ thông tin được đề cao. Dịch vụ Tham khảo – Reference Services trở thành bộ phận chính trong một thư viện vì có chức năng sử dụng công nghệ mới để đáp ứng nhu cầu thông tin cho người sử dụng. Như vậy, người ta đánh giá thư viện qua Dịch vụ thông tin với việc sử dụng công nghệ mới chứ không phải qua số lượng tài nguyên và quy mô của thư viện. Thế nhưng:

“Công nghệ thì quá hay, nhưng chúng ta có thể chết đuối trong công nghệ của mình. Màn sương mù của thông tin có thể đẩy kiến thức đi xa” – Daniel Boorsti.

Công nghệ đã giúp cho mỗi thư viện sở hữu và quản lý một khối lượng thông tin khổng lồ, ngày càng trở nên quá tải. Tại thời điểm này người ta gọi là bùng nổ thông tin và hiện tượng Quá tải thông tin – Information Overloaded xuất hiện đã trở thành một căn bệnh: Ở giữa một rừng thông tin nhưng đói tri thức! Một yêu cầu bức thiết đặt ra cho người quản lý thông tin là phải chọn ra cho được thông tin có ý nghĩa và hữu ích gọi là Tri thức – Knowledge.

“Nếu ví thông tin như bột mì thì tri thức chính là bánh mì” – Branscomb.

Theo định nghĩa tri thức là thông tin có ý nghĩa và hữu ích thì ví von bột mì và bánh mì của Branscomb hoàn toàn chính xác. Ngày nay, người quản lý thông tin phải biết cách chế biến bột mì thành bánh mì. Có nghĩa là phải tạo nên những sản phẩm thông tin đáp ứng nhu cầu thông tin của độc giả chứ không phải bắt độc giả phải ngập lặn trong rừng thông tin. Ngành TT-TV bước qua một giai đoạn mới, đó là Quản lý tri thức – Knowledge Management. Môn học Dịch vụ Tham khảo – Reference Services trở nên vô cùng quan trọng trong những Cơ sở đào tạo TT-TV để đáp ứng yêu cầu đào tạo những Chuyên viên Chủ đề - Subject Librarians cung cấp cho Phòng Tham khảo của các thư viện. Nói một cách nôm na, đó là đội ngũ “làm bánh mì” đồng thời biết cách tiếp thị và phục vụ bánh mì đúng khẩu vị cho khách hàng. Đã có một nhận thức mang tính cách mạng trong giai đoạn này mà người ta gọi là “Cách mạng hóa quan niệm về thư viện” và Thư viện số - Digital Library ra đời.

“Ngày nay người ta quan niệm Thư viện số là sự kết hợp những đối tượng vật chất được tiếp cận trong không gian vật chất, với đối tượng điện tử hiện hữu trong không gian điện tử và có thể được truy cập hầu như khắp mọi nơi” – Richard Rubin.

Thư viện số ra đời. Từ năm 2005 thuật ngữ Thư viện số đã hoàn toàn thay thế thuật ngữ Thư viện điện tử. Trong cuốn Từ điển “Dictionary of Library and Information Science” của tác giả Joan M. Reitz, xuất bản năm 2005 đã không còn có mục từ “Thư viện điện tử”; còn “Thư viện số” được định nghĩa như sau: “Thư viện số là một thư viện trong đó ngoài tài liệu in ấn và tài liệu dạng thu nhỏ (vi phẩm), có phục vụ độc giả một tỷ lệ quan trọng tài nguyên dạng máy đọc được và được truy cập qua máy tính được gọi là Tài nguyên số. Tài nguyên số có thể là tài liệu nội sinh mà cũng có thể được truy cập từ xa qua mạng máy tính. Tiến trình số hóa trong thư viện bắt đầu từ hệ thống mục lục, chỉ

mục tạp chí và dịch vụ tóm tắt tài liệu, đến ấn phẩm định kỳ và tài liệu tham khảo, và cuối cùng là sách in”.

Tài nguyên số truy cập từ xa qua mạng máy tính chủ yếu xuất phát từ hai nguồn:

1) Tài nguyên mở (Open Resources) bao gồm tài nguyên miễn phí trên mạng;

2) Những Cơ sở dữ liệu thương mại mà thư viện phải mua quyền sử dụng. Đây là nguồn tài nguyên quan trọng trong thư viện. Nhưng nó phụ thuộc vào khả năng tài chính của thư viện từ ngân sách và từ những nguồn tài trợ. Đối với thư viện nước ngoài, khả năng tài chính của thư viện phần lớn dựa vào nguồn tài trợ. Do đó chương trình giảng dạy trong những cơ sở đào tạo thư viện ở nước ngoài rất chú trọng đến học phần Tài trợ thư viện – Granting nhằm trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng hoạch định kế hoạch tài chính của thư viện và xin tài trợ.

Tuy nhiên, ý nghĩa chính về việc xây dựng Thư viện số là hình thành tài liệu nội sinh để phản ánh nguồn thông tin đặc thù của thư viện mình như là luận văn, luận án, công trình nghiên cứu khoa học, tài liệu địa chí, vv... Cụ thể là xây dựng những Bộ sưu tập số - Digital Collection hay một cách ví von là làm những loại bánh mì phù hợp với khẩu vị khách hàng của thư viện mình.

“Thư viện số là tập hợp những Bộ sưu tập thông tin của các đối tượng số hoặc đã được số hóa có tổ chức, nói chung là Bộ sưu tập số. Một bộ sưu tập số bao gồm nhiều tài liệu dưới dạng thức khác nhau: văn bản, hình ảnh, âm thanh, hình ảnh động. Một sưu tập có thể chứa nhiều loại hình tài liệu khác nhau, tuy nhiên cung cấp một giao diện đồng nhất qua đó tất cả các tài liệu có thể được truy cập, mặc dù cách mà tài liệu đó hiển thị sẽ tùy thuộc vào phương tiện và dạng thức của tài liệu đó” – Ian Witten.

Ví dụ: một Bộ sưu tập về “Sài Gòn xưa” sẽ bao gồm tài liệu dạng văn bản về lịch sử, văn hóa, phong tục, vv...; tài liệu dạng hình ảnh về di tích, trang phục, công trình xây dựng, vv...; tài liệu dạng âm thanh về bài hát, cải lương, vv...; tài liệu dạng phim về những lễ hội, sinh hoạt cộng đồng, vv... Một bộ sưu tập như thế trước khi trình bày phải qua một quá trình hình thành để tạo nên những cấu trúc hỗ trợ cho việc truy tìm và dò tìm, được dùng cho việc truy cập sưu tập. Khi đã xây dựng xong, bộ sưu tập có thể được xuất bản trên Internet hoặc xuất ra CD-ROM một cách hoàn toàn tự động. Một khi sưu tầm thêm tài liệu mới, ta có thể dễ dàng bổ sung thêm vào bộ sưu tập bằng cách tái xây dựng. Một thư viện nói chung, bao gồm nhiều bộ sưu tập khác nhau, mỗi sưu tập tổ chức mỗi khác, tuy nhiên hoàn toàn giống nhau về phương cách hiển thị. Người ta sử dụng những Phần mềm nguồn mở - Open Source Software chuyên dụng như Greenstone hay Dbate để xây dựng những Bộ sưu tập số. Do đó:

“Hiện nay trên thế giới, xu thế phát triển Thư viện số đã trở thành một phần chủ đạo trong toàn cảnh hoạt động TT-TV, trong khi Phần mềm nguồn mở trở thành một hiện tượng toàn cầu. Giống như nhiên liệu và động cơ trong kỹ thuật, Phần mềm nguồn mở và Thư viện số là hai yếu tố không thể tách rời” – Art Rhyno.

Phần mềm nguồn mở – Open Source Software là phần mềm máy tính mà người ta có thể đọc được mã nguồn. Điều này cho phép người sử dụng thay đổi và phát triển phần mềm, rồi tái phân phối dưới hình thức có hoặc không có sửa đổi. Richard Mathiew Stallman, sinh năm 1953 một nhà phát triển phần mềm, vừa là nhà hoạt động cho việc tự do phần mềm Hoa Kỳ. Chủ tịch Quỹ Phần mềm tự do – Free Software Foundation, là người đứng đầu trong thế giới phần mềm nguồn mở đã ấn định bốn loại tự do cho phần mềm nguồn mở như sau:

- Tự do chạy chương trình với bất cứ mục đích nào;

- Tự do chỉnh sửa cho phù hợp với yêu cầu của mình;
- Tự do tái phân phối bản sao để giúp người khác sử dụng;
- Tự do phát triển chương trình và bán rộng rãi phần phát triển đó nhằm mang đến lợi ích chung cho cộng đồng.

Ngày nay, phần mềm nguồn mở được xem như là một công nghệ mới quan trọng không thể thiếu trong việc xây dựng thư viện số. Phần mềm nguồn mở và thư viện số là sản phẩm tự nhiên của những mô hình trao đổi mở giúp cho xã hội phát triển và thịnh vượng.

Trong những cơ sở giáo dục đào tạo, hình thành Thư viện số với việc xây dựng Tài nguyên học tập phục vụ công tác học tập, giảng dạy, và nghiên cứu mang một tính cách đặc thù.

“Thư viện số là sự tương tác giữa nhân viên thư viện với người sử dụng để phục vụ chính người sử dụng” – Leslie Burger.

Dù một nhà nghiên cứu hay một thầy giáo luôn tập hợp cho riêng mình một số tài liệu chuyên ngành để phục vụ công việc của mình. Tài liệu đó có thể là cuốn sách, bài tạp chí, tài liệu hội nghị, hình ảnh, tập tin máy tính, video clip, vv... Như ta đã biết, ngày nay tất cả những tài liệu này có thể được số hóa và tập trung trong một Bộ sưu tập bằng cách sử dụng một Phần mềm nguồn mở. Trong những Thư viện đại học, chính nhân viên thư viện sẽ tập huấn và hướng dẫn cho độc giả cách sử dụng Phần mềm nguồn mở để tạo lập những Bộ sưu tập theo chuyên ngành của mình rồi xuất bản dưới dạng một CD-ROM. Thư viện yêu cầu người sử dụng nộp cho thư viện một bản sao CD-ROM. Bằng cách này Thư viện đã có một kho Tài nguyên học tập bằng sự tương tác giữa nhân viên thư viện với người sử dụng để phục vụ chính người sử dụng.

3. VẤN ĐỀ BẢN QUYỀN ĐỐI VỚI TÀI NGUYÊN SỐ

Bản quyền là một trong 4 loại sở hữu trí tuệ:

1. Bằng phát minh sáng chế (patent): là khế ước của xã hội với các nhà phát minh;
2. Thương hiệu hay nhãn hiệu dịch vụ: xác định nguồn gốc sản phẩm hay dịch vụ;
3. Bí mật thương mại: bảo đảm lợi thế cạnh tranh;
4. Bản quyền (copyright): hay quyền tác giả là sự thể hiện của tác giả đối với sản phẩm trí tuệ.

Sở hữu trí tuệ nói chung có nhiều đặc điểm giống như sở hữu bất động sản và tài sản cá nhân. Có thể mua, bán, chuyển nhượng và chủ sở hữu có quyền ngăn cấm việc mua, bán, chuyển nhượng. Sở hữu trí tuệ là vô hình. Sở hữu trí tuệ được bảo vệ theo quy định của từng quốc gia và hiện nay là xu hướng toàn cầu.

Luật về sở hữu trí tuệ cho phép chủ sở hữu, người phát minh, và tác giả bảo vệ tài sản của mình trước việc sử dụng trái phép.

Bản quyền là một thuật ngữ pháp lý mô tả quyền lợi kinh tế của người sáng tác ra những tác phẩm văn học, nghệ thuật, vv... trong đó bao gồm quyền tái bản, in ấn và trình diễn hay trưng bày tác phẩm của mình trước công chúng. Bản quyền chủ yếu nhằm bảo vệ âm nhạc, phim ảnh, tiểu thuyết, thi ca, kiến trúc, và các tác phẩm xuất bản khác. Các chương trình máy tính và ghi âm giờ đây cũng được bảo vệ.

Theo công ước Bern – công ước quốc tế được kí kết vào năm 1886 về bảo hộ bản quyền, quy định rằng thời gian bảo hộ bản quyền là 50 năm từ khi tác giả qua đời đối với các nước tham gia công ước.

Sở hữu một cuốn sách chắc chắn không phải là xác lập quyền sở hữu tài liệu đó theo nghĩa của bản quyền. Mặc dù có nhiều bản của

một tài liệu nhưng chỉ có một bản quyền. Điều này không chỉ áp dụng cho bản in mà cả cho bản điện tử, dù được số hóa từ bản in hay được tạo nên dạng điện tử từ đầu. Khi mua một cuốn sách, ta có thể bán lại, nhưng chắc chắn không mua quyền tái phân phối, quyền đó tùy thuộc vào bản quyền.

Ai làm chủ một tác phẩm cụ thể? Bản quyền đầu tiên là của người sáng tác trừ phi tác phẩm được thuê sáng tác; trong trường hợp này bản quyền thuộc về cơ quan hay tổ chức thuê theo hợp đồng. Bản quyền có thể được sang nhượng hay chuyển cho một đơn vị khác thông qua một hợp đồng cụ thể được thực hiện bằng văn bản do người chủ kí tên.

Trong lĩnh vực thông tin thư viện, một thư viện truyền thông xem quyền sở hữu tài liệu là quan trọng; nhưng trong lĩnh vực lưu hành tài nguyên số, quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể là quyền tác giả hay bản quyền là quan trọng hơn.

Sưu tầm thông tin và làm cho thông tin đó trở nên phổ biến hơn đối với người khác là một điều liên quan đến vấn đề xã hội. Những người xây dựng thư viện số phải am hiểu quyền sở hữu trí tuệ để hành động một cách có trách nhiệm và đúng luật xung quanh những ứng dụng cụ thể của mình.

Thư viện số có thể làm cho việc truy cập trở nên rộng rãi hơn thư viện truyền thống. Việc truy cập này mang những đặc trưng:

- Truy cập thông tin trong thư viện số nói chung ít bị kiểm soát hơn tiếp cận sưu tập in ấn trong thư viện truyền thống;
- Đưa thông tin vào thư viện số là có khả năng làm cho thông tin đó trở nên phổ biến ngay đối với một số lượng độc giả hầu như vô hạn.

Muốn xây dựng thư viện số thì phải số hóa tài liệu. Chúng ta phải làm thế nào để tránh vi phạm bản quyền? Trước hết chúng ta phải xem xét:

- Nếu tác phẩm được số hóa ở miền công cộng (không có bản quyền) thì không phải xin phép ai hết. Dĩ nhiên kết quả số hóa của chúng ta cũng không được bảo vệ bản quyền, trừ phi kết quả của ta nhiều hơn bản gốc;

- Nếu tài liệu được tặng cho cơ sở của ta để số hóa và người tặng có bản quyền, thì chúng ta tiến hành số hóa, tuy nhiên cần phải yêu cầu người tặng cung cấp cho mình quyền được số hóa – có thể bằng một mẫu giấy có ghi “quyền sử dụng tác phẩm với bất kì mục đích chung của cơ sở, dưới bất kì phương tiện nào”.

Nếu muốn số hóa tài liệu mà không rơi vào hai trường hợp trên thì ta phải cân nhắc thử việc số hóa của chúng ta có phải là một việc làm có lợi ích chung mà không xâm phạm lợi ích của người khác. Đây là một điều khó về mặt pháp lí. Cuối cùng nếu chúng ta không chắc chắn với điều cân nhắc trên thì ta phải tiến hành xin phép để được cấp phép thực hiện số hóa.

Tóm lại, để tiến hành xây dựng thư viện số, ta phải lưu ý đến vấn đề bản quyền. Những người thực hiện phải cam kết hiểu biết đầy đủ về bản quyền và nhận thức sâu sắc rằng giấy phép là rất cần thiết để chuyển đổi tài liệu không thuộc miền công cộng.

Ở nước ta hiện nay, một số thư viện không am hiểu về bản quyền đã vi phạm trầm trọng khi số hóa vô tội vạ những xuất bản phẩm đang được bảo vệ tác quyền, đặc biệt là đối với sách nước ngoài. Điều này có thể dẫn đến một hậu quả khôn lường vì Việt Nam hiện nay đang tiến dần đến hội nhập hoàn toàn với cộng đồng thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ANDERSON, Elaine, GOSLING, Marry và MORTIMER, Marry. Learn Basic Library Skills.- 4th edition.- Canberra: DocMatrix, Pty Ltd, 2007.
2. Nguyễn Minh Hiệp, Cơ sở khoa học thông tin và thư viện, TP. Hồ Chí Minh: Giáo dục, 2008.
3. Quyền sở hữu trí tuệ = Focus on Intellectual Property Rights / Nhiều tác giả, Hà Nội: Từ điển Bách khoa, 2006.
4. REITZ, Joan M. Dictionary for Library and Information Science. – Westport, Connecticut: Libraries Unlimited, 2004.
5. RUBIN, Richard E. Foundations of Library and Information Science.. – 3rd edition. – New York: Neal – Schuman Publishers, Inc., 2010.
6. RHINO, Art. Using Open Source Systems for Digital Libraries.- Westport, Connecticut: Libraries Unlimited, 2004.
7. Thư viện và nghề thư viện / Nguyễn Minh Hiệp chủ biên.- TP. HCM.: Thông tin-Văn hóa, 2013.
8. WITTEN, Ian H. và BAIBRIDGE, David. How to Build a Digital Library. - New York : Morgan Kaufmann, 2003.